

Số: 118/TB-SC9

Quận 12, ngày 10 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Công văn số 5307/GDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo - TP.HCM về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Công văn số 7266/UBND-GDDĐT-TC ngày 20 tháng 9 năm 2024 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận.

NHA TRE

Ước tính: 18 ngày ăn 23 ngày ăn 21 ngày ăn 22 ngày ăn

	CÁC KHOẢN TIỀN	Đơn vị tính	Mức thu tối đa năm học 2024-2025	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1	Học phí quy định:	đồng/học sinh/tháng	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	đồng/học sinh/tháng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
3	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
4	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh	đồng/học sinh/năm	30.000	-	-	-	-
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (Hội họa, Nhịp điệu, Anh văn)	đồng/hs/tháng/môn	92.000	Không tổ chức dạy			
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	79.000	Không tổ chức dạy			
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	260.000	260.000	-	-	-
8	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	-	-	-
9	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	320.000	320.000	-	-	-
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	33.000	594.000	759.000	693.000	726.000
11	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	19.000	342.000	437.000	399.000	418.000
12	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
13	Bảo hiểm tai nạn	đồng/học sinh/năm	60.000	60.000	-	-	-
	TỔNG CỘNG:			2.193.000	1.763.000	1.659.000	1.711.000

KHOI MÀM, CHOI

Ước tính: 18 ngày ăn 23 ngày ăn 21 ngày ăn 22 ngày ăn

	CÁC KHOẢN TIỀN	Đơn vị tính	Mức thu tối đa năm học 2024-2025	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1	Học phí quy định:	đồng/học sinh/tháng	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
2	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	đồng/học sinh/tháng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
3	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
4	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh	đồng/học sinh/năm	30.000	-	-	-	-
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (Hội họa, Nhịp điệu, Anh văn)	đồng/hs/tháng/môn	92.000	Tùy nhu cầu đăng ký			
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	79.000	Tùy nhu cầu đăng ký			
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	260.000	260.000	-	-	-
8	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	-	-	-
9	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	390.000	390.000	-	-	-
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	630.000	805.000	735.000	770.000
11	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	19.000	342.000	437.000	399.000	418.000
12	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
13	Bảo hiểm tai nạn	đồng/học sinh/năm	60.000	60.000	-	-	-
	TỔNG CỘNG:			2.259.000	1.769.000	1.661.000	1.715.000

KHOI LA

				Ước tính:			
				18 ngày ăn	23 ngày ăn	21 ngày ăn	22 ngày ăn
	CÁC KHOẢN TIỀN	Đơn vị tính	Mức thu tối đa năm học	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1	Học phí quy định:	đồng/học sinh/tháng	160.000	Miễn học phí			
2	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí	đồng/học sinh/tháng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
3	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
4	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh	đồng/học sinh/năm	30.000	-	-	-	-
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (Hội họa, Nhịp điệu, Anh văn)	đồng/hs/tháng/môn	92.000	Tùy nhu cầu đăng ký			
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	79.000	Tùy nhu cầu đăng ký			
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	260.000	260.000	-	-	-
8	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	-	-	-
9	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	390.000	390.000	-	-	-
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	630.000	805.000	735.000	770.000
11	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	19.000	342.000	437.000	399.000	418.000
12	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
13	Bảo hiểm tai nạn	đồng/học sinh/năm	60.000	60.000	-	-	-
	TỔNG CỘNG:			2.099.000	1.609.000	1.501.000	1.555.000

Phụ huynh đóng tiền từ ngày 01 đến ngày 10 (hàng tháng).

Nơi nhận:

- Lưu VT.

